

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2019.

V/v: xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Hạnh - Thẩm phán

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Mai Văn Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Bà Danh
Tường Vi– Kiểm sát viên.*

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1977

Địa chỉ cũ: số 1174 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ mới: 217/11 Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Lạc, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1969

Địa chỉ cũ: số 1174 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Chị M và anh Ch có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:***

Chị và anh Ch tự quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường An Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31-8-2010.

Lý do chị M xin ly hôn: Chị M cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, có khi còn dẫn đến ẩu đả nhau. Mỗi lần cự cãi anh Ch thường đánh chị và chị đã từng phải yêu cầu công an phường An Bình can thiệp nhắc nhở nhưng anh Ch vẫn không thay đổi. Anh Ch không quan tâm đến đời sống vợ con mà còn nghi ngờ chị M nên có những lời lẽ xúc phạm tới chị. Chị và anh Ch đã tự ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không ai quan tâm tới ai.

Nay thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị M yêu cầu ly hôn với anh Ch.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tú sinh năm 1995 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Hoàng Bảo Phước, sinh năm 2009 hiện đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Phước, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M xác nhận vợ chồng có 02 tài sản chung gồm:

1. Nhà và đất tại số 1174A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ước tính giá trị là 800.000.000 đồng;
2. Đất ở tại khu thu nhập thấp phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ước tính giá trị 200.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện chị M yêu cầu được chia đôi $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung nhưng ngày 22-01-2019 chị M đã có đơn rút yêu cầu chia tài sản và chị M sẽ tự thỏa thuận với anh Ch nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị M xác nhận không có.

Tại phiên tòa chị M có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Phước, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 17-11-2017 của Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày:***

Anh Ch thống nhất với lời trình bày của chị M về thời điểm kết hôn và về con chung. Anh Ch không đồng ý ly hôn với chị M và yêu cầu Tòa án bác đơn của chị M.

Tại phiên tòa anh Ch có ý kiến: từ khi kết hôn với chị M, anh luôn đảm bảo chị M và các con của anh có đời sống tốt về mặt kinh tế. Tuy nhiên, anh Ch thừa nhận do bản tính của anh nóng nảy nên trong cuộc sống vợ chồng đã nhiều lần cự cãi nhau, dẫn đến đánh nhau, có lần chị M cũng gây thương tích cho anh nhưng không lớn và anh đã tự chữa trị. Sự việc vợ chồng đánh nhau cũng đã được Công an phường An Bình nhắc nhở. Hơn nữa, anh nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân từ ngày chị M đi ra khỏi nhà số 1174A đường Nguyễn Trung Trực là đầu năm 2018.

Tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn với chị M vì anh còn yêu thương vợ con. Về con chung, anh Ch xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tú sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Bảo Phước, sinh năm 2009 hiện đang sống cùng với chị M. Anh thống nhất để chị M trực tiếp nuôi cháu Phước vì công việc của anh là tài xế nên thường không có nhà, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh xác nhận không có.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Riêng thẩm phán có vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cần rút kinh nghiệm.

Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 28; Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Ch tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường An Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31-8-2010 phù hợp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị M yêu cầu được ly hôn với anh Ch vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Còn bị đơn anh Ch không đồng ý ly hôn với chị M vì anh còn yêu thương vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị M và anh Ch sống chung nhiều lần gây sự dẫn đến đánh gây thương tích cho nhau, thậm chí còn phải nhờ tới sự can thiệp của Công an phường nơi cư trú. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Ch là có thật. Hơn nữa, thời gian từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn sinh hoạt vợ chồng, không còn chung về kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không đoàn tụ được. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để cho chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh Ch.

Về con chung: Chị M và anh Ch có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tú sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Bảo Phước, sinh năm 2009 hiện đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Phước, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch thống nhất giao cháu Phước cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Phước ngày 01-3-2019 cháu Phước có nguyện vọng được sống cùng với chị M phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa, thời gian từ đầu năm 2018 đến nay cháu Phước vẫn sống cùng với chị M, hiện tại cháu Phước vẫn phát triển bình thường về tinh thần, trí lực, thể lực và

sức khỏe và chưa có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cháu Phước sống chung với chị M không tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự thỏa thuận về nuôi con giữa chị M với anh Ch. Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong vụ án này chị M không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị M yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gồm: Nhà và đất tại số 1174A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ước tính giá trị là 800.000.000 đồng; Đất ở tại khu thu nhập thấp phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ước tính giá trị 200.000.000 đồng. Ngày 22-01-2019 chị M đã có đơn rút yêu cầu chia tài sản và chị M sẽ tự thỏa thuận với anh Ch nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận.

Về nợ chung: Chị M và anh Ch xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 12.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009529 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, điểm c khoản 1 điều 217, 218, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc M với anh Nguyễn Văn Ch.

Tuyên bố chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo Phước, sinh năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ông Nguyễn Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị M đối với nhà và đất tại số 1174A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Đất ở tại khu thu nhập thấp phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Chị M và anh Ch tự thỏa thuận về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 12.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009529 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, chị M được hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-3-2019).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ M HẠNH

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Biên bản nghị án kết thúc lúc Giờ... phút, cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Bé Em Chung Kim Sang

Nguyễn Thị M Hạnh